

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 18- 4 – 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 14/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST – HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố PT, phường MX, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố PT, phường MX, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tại Tòa án:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1996. Ông, bà có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An ngày 18/10/1996. Vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung là cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 12/7/1998 và cháu Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 10/7/2001.

Bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2005 do ông Đ thay đổi tính tình, ông Đ thường xuyên đánh đập bà H mỗi khi uống rượu. Bà H vì các con nên đã chịu đựng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 12/7/1998 và Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 10/7/2001. Các con đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ tại Tòa án:*

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay. Ông, bà đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An ngày 18/10/1996. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung là các cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 12/7/1998 và cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10/7/2001.

Ông Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng đến mức bà H yêu cầu ly hôn. Cuộc sống vợ chồng gia đình nào cũng có mâu thuẫn, cãi vã. Ông Đ là một Đảng viên sống và làm việc theo pháp luật, ông không đánh đập vợ con. Do bà H bị bệnh ung thư hai năm nay nên tính tình có thay đổi, ông Đ cũng nhường nhịn bà H nhiều, từ khi bà H bị bệnh đến nay vợ chồng không cãi nhau nhiều. Ông Đ xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, bà H dọn ra ngoài sống, lôi kéo con trai đang học đại học bỏ học. Ông Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con. Ông Đ không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Nếu bà H cương quyết ly hôn, ông Đ yêu cầu bà H phải chia tài sản cho rõ ràng.

Về nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

*Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông Đ; Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 4, khu phố PT, phường MX, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng

Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc giải quyết vụ án; Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/1996 ngày 18/10/1996.

Bà H cho rằng thời gian vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau, ông Đ thường sử dụng bạo lực với bà dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Bà H chuyển ra thuê nhà trọ sinh sống. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông Đ không thừa nhận sử dụng bạo lực với bà H, ông cho rằng vợ chồng chung sống đôi khi cũng có bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã qua lại nhưng mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn.

Toà án đã tiến hành nhiều phiên hoà giải và tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông Đ yêu cầu bà H phải chia tài sản mới đồng ý ly hôn, bà H cương quyết yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông Đ.

**[3] Về con chung:** Bà H, ông Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 12/7/1998 và Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 10/7/2001. Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**[4] Về tài sản chung:** Tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung. Ông Đ yêu cầu bà H phải chia tài sản chung vợ chồng mới đồng ý ly hôn. Toà án đã giải thích cho ông Đ về quyền yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại Điều 38 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, ông Đ không làm đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung khi ly hôn.

**[5] Về nợ chung:** Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**[6] Về án phí:** Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “ly hôn” với ông Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006526 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã LS, ĐL, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Thị Nhung**